

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
Khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Phú Hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Cảng Phú Hữu ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309444635, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt Khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần;
- Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá liên quan đến vận tải;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ phí cầu bến và bốc xếp hàng hóa.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 13 người (31/12/2011: 05 người).

2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trọng Cừu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Lâm Thị Ngọc Huyền	Thành viên
Ông Dương Tuấn Hải	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Giám đốc
----------------------	----------

Ban kiểm soát

Ông Đặng Hiền Nhi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hải	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
Khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trong yêu cầu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần cảng Phú Hữu vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cũng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

NGUYỄN TRONG CƯỜNG
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 3 năm 2013





Số: 19/2013/BCKT-HCM.00463

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau: như đã nêu tại mục 4.10.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309444635 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09 tháng 3 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1/7/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 7 năm 2012, Công ty đã sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2012 để phát hành 550.765 cổ phần tương ứng với số tiền là 5.507.650.000 để trả cổ tức của hai năm 2010 và 2011.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa làm các thủ tục pháp lý có liên quan đến việc điều chỉnh vốn góp nói trên theo quy định hiện hành.



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

CÔNG TY TNHH kiểm toán AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0179/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11,791,398,906	87,469,154,025
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,944,136,970	37,295,202,066
Tiền	111	4.1	841,018,859	2,295,202,066
Các khoản tương đương tiền	112		2,103,118,111	35,000,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		763,826,886	49,586,531,203
Phải thu khách hàng	131	4.2	734,413,986	1,339,161,328
Trả trước cho người bán	132		-	48,247,369,875
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.3	29,412,900	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		8,083,435,050	587,420,756
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.6	8,079,689,634	574,517,264
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		3,745,416	12,903,492

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74,996,803,182	3,019,084,332
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		74,996,803,182	3,019,084,332
Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	74,996,803,182	3,019,084,332
Nguyên giá	222		81,092,340,248	5,910,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,095,537,066)	(2,890,915,668)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		86,788,202,088	90,488,238,357

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1,466,719,890	3,080,130,187
Nợ ngắn hạn	310		1,466,719,890	3,080,130,187
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.5	351,835,900	1,227,767,641
Người mua trả tiền trước	313		-	50,000,000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.6	16,057	744,982,713
Phải trả công nhân viên	315		254,382,689	585,727,998
Chi phí phải trả	316	4.7	352,259,024	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.8	110,500,000	73,425,615
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.9	397,726,220	398,226,220
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85,321,482,198	87,408,108,170
Vốn chủ sở hữu	410	4.10	85,321,482,198	87,408,108,170
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85,350,190,000	79,842,540,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1,596,328,117	1,596,328,117
Quỹ dự phòng tài chính	418		399,082,029	399,082,029
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(2,024,117,948)	5,570,158,024
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		86,788,202,088	90,488,238,357

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại - USD		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



LÂM THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THẢO

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

4896
NG T
EM HUU
TOAI
TNA
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1,572,538,740	2,210,325,193
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	1,572,538,740	2,210,325,193
Giá vốn hàng bán	11	5.2	4,635,642,595	3,229,955,265
Lợi nhuận gộp	20		(3,063,103,855)	(1,019,630,072)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1,418,503,890	5,463,151,579
Chi phí tài chính	22		-	3,999,512
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	499,410,914	671,988,586
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(2,144,010,879)	3,767,533,409
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2,144,010,879)	3,767,533,409
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.5	-	956,229,554
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2,144,010,879)	2,811,303,855
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			352

(Chữ ký)

LÂM THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THẢO

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(2,144,010,879)	3,767,533,409
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,204,621,398	1,708,915,668
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,418,503,890)	(5,463,151,579)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(357,893,371)	13,297,498
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(92,183,173)	(41,407,861,395)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(941,179,676)	648,214,958
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	-	-
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(781,730,621)	(1,541,950,474)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	110,000,000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(500,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2,063,486,841)	(42,288,299,413)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(33,706,082,145)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,418,503,890	5,463,151,579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32,287,578,255)	5,463,151,579
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(34,351,065,096)	(36,825,147,834)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	37,295,202,066	74,120,349,900
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	2,944,136,970	37,295,202,066

LÂM THỊ NGỌC HUYỀN

Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THẢO

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309444635 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi thứ nhất ngày 09 tháng 3 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt Khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần;
- Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá liên quan đến vận tải;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ phí cầu bến và bốc xếp hàng hóa.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 13 người (31/12/2011: 5 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố công bố vào ngày này (tỷ giá 20.828 VND/USD).

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Máy móc, thiết bị	20 năm	1 - 13 năm
Phương tiện vận tải	06 -10 năm	05 -10 năm

3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.8 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.9 Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.12 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, các bên sau đây là bên liên quan của Công ty:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Hải	Việt Nam	Công ty góp vốn
Công ty TNHH Dịch vụ Bốc xếp Bình Mỹ	Việt Nam	Công ty góp vốn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	21.109.000	46.458.705
Tiền gửi ngân hàng - VND	819.909.859	2.248.743.361
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	2.103.118.111	35.000.000.000
	2.944.136.970	37.295.202.066

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	-	-
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	734.413.986	1.339.161.328
	734.413.986	1.339.161.328

4.3 Phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền điện sử dụng- Công ty Đông Thiên Phú Miền Nam	29.412.900	-
	29.412.900	-

4.4 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2012	-	5.910.000.000	5.910.000.000
Mua trong năm	75.124.955.341	-	75.124.955.341
Tăng khác	51.071.972	6.312.935	57.384.907
Vào ngày 31/12/2012	75.176.027.313	5.916.312.935	81.092.340.248
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2012	-	2.890.915.668	2.890.915.668
Khấu hao trong năm	2.349.250.853	855.370.545	3.204.621.398
Giảm trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	2.349.250.853	3.746.286.213	6.095.537.066
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2012	-	3.019.084.332	3.019.084.332
Vào ngày 31/12/2012	72.826.776.460	2.170.026.722	74.996.803.182

4.5 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	351.835.900	1.227.767.641
Phải trả người bán – Bên thứ ba	-	-
	351.835.900	1.227.767.641

4.6 Thuế

Thuế GTGT được khấu trừ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	8.079.689.634	574.517.264
	8.079.689.634	574.517.264
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT phải nộp	16.057	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	744.982.713
	16.057	744.982.713

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
 Khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.7 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí điện, nhiên liệu	352.259.024	-
	352.259.024	-

4.8 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền nhận đặt cọc từ khách hàng	110.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	-	72.925.615
Khác	500.000	500.000
	110.500.000	73.425.615

4.9 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	398.226.220	256.943.718
Trích lập quỹ	-	141.282.502
Chi khen thưởng, phúc lợi	(500.000)	-
Số dư cuối năm	397.726.220	398.226.220

4.10 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

4.10.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2011					
Số dư tại ngày 01/01/2011	79.842.540.000	1.031.198.106	257.799.527	3.606.549.184	84.738.086.817
Lãi trong năm	-	-	-	2.811.303.855	2.811.303.855
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(847.695.015)	(847.695.015)
Tăng khác	-	565.130.011	141.282.502	-	706.412.513
Số dư tại ngày 31/12/2011	79.842.540.000	1.596.328.117	399.082.029	5.570.158.024	87.408.108.170
Năm 2012					
Số dư tại ngày 01/01/2012	79.842.540.000	1.596.328.117	399.082.029	5.570.158.024	87.408.108.170
Tăng vốn từ lợi nhuận từ hai năm 2010 và 2011	5.507.650.000	-	--	(5.507.650.000)	-
Lỗ trong năm	-	-	-	(2.144.010.879)	(2.144.010.879)
Tăng khác	-	-	-	57.384.907	57.384.907
Số dư tại ngày 31/12/2012					

4.10.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309444635 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09 tháng 3 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 VND.
 Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1/7/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 7 năm 2012, Công ty đã sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2012 để phát hành 550.765 cổ phần tương ứng với số tiền là 5.507.650.000 để trả cổ tức của hai năm 2010 và 2011.

Vốn thực góp đến 31/12/2012 là 85.350.190.000 VND, chi tiết như sau:

	Vốn chủ sở hữu 01/01/2012 VND	Tăng VND	Giảm VND	Vốn chủ sở hữu 31/12/2012 VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	68.000.000.000	4.692.000.000	-	72.692.000.000	85,17%
Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Hải	2.000.000.000	138.000.000	-	2.138.000.000	2,50%
Công ty TNHH Dịch vụ Bốc xếp Bình Mỹ	2.000.000.000	138.000.000	-	2.138.000.000	2,50%
Các cổ đông khác	7.842.540.000	539.650.000	-	8.382.190.000	9,83%
	79.842.540.000	5.507.650.000	-	85.350.190.000	100,00%

4.10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	79.842.540.000	79.842.540.000
Vốn góp tăng do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.507.650.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	85.350.190.000	79.842.540.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	5.507.650.000	-

4.10.4 Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.535.019	7.984.254
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
• Cổ phiếu phổ thông	8.535.019	7.984.254
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng

4.10.5 Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty chưa có công bố chính thức về cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bốc xếp	189.240.000	200.848.000
Doanh thu nâng, hạ container	292.480.000	-
Doanh thu cảng phí	749.921.795	904.312.834
Doanh thu lưu kho, bãi	28.680.364	357.586.000
Doanh thu dịch vụ tàu	312.216.581	-
Doanh thu giao nhận	-	10.371.159
Doanh thu vận chuyển	-	124.146.800
Doanh thu cung cấp điện	-	613.060.400
	1.572.538.740	2.210.325.193

5.2 Giá vốn dịch vụ cung cấp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	35.853.774	-
Chi phí nhân viên	391.183.011	77.996.543
Chi phí công cụ dụng cụ	56.310.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.204.621.398	1.708.915.668
Chi phí hợp đồng hợp tác kinh doanh	179.021.036	776.567.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	729.332.807	656.826.511
Chi phí bằng tiền khác	39.320.569	9.648.548
	4.635.642.595	3.229.955.265

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.418.503.890	5.463.151.579
	1.418.503.890	5.463.151.579

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	180.120.580	612.737.350
Chi phí đồ dùng văn phòng	966.091	5.022.818
Thuế, phí và lệ phí	27.950.355	13.721.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.347.307	27.511.875
Chi phí bằng tiền khác	17.026.581	12.995.455
	499.410.914	671.988.586

5.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp («TNDN») hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.144.010.879)	3.767.533.409
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không được trừ	34.083.643	57.384.808
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.109.927.236)	3.824.918.217
- Thuế suất thuế TNDN (25%)	-	956.229.554
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	956.229.554

5.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.430.774	4.808.273
Chi phí nhân công	541.548.109	673.743.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.204.621.398	1.708.915.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	968.721.566	1.453.083.665
Chi phí khác bằng tiền	351.731.662	65.391.864
	5.135.053.509	3.905.943.363

5.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là (2.144.010.879) VND (năm 2011: 2.811.303.855 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 8.079.318 cổ phiếu (năm 2011: 7.984.254 cổ phiếu) được tính như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.144.010.879)	2.811.303.855
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.079.318	7.984.254
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	352

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghị vụ quản lý rủi ro là nghị vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
Khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả người bán	351.835.900		351.835.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	462.759.024	-	462.759.024
	814.594.924		814.594.924
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả người bán	1.227.767.641	-	1.227.767.641
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	500.000	-	500.000
	1.228.267.641		1.228.267.641

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có cầm cố tài sản tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012.

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	734.413.986	1.339.161.328	734.413.986	1.339.161.328
<i>Các khoản phải thu khác</i>	29.412.900	-	29.412.900	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.944.136.970	37.295.202.066	2.944.136.970	37.295.202.066
Tổng cộng	3.707.963.856	38.634.363.394	3.707.963.856	38.634.363.394
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	704.094.924	1.227.767.641	704.094.924	1.227.767.641
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả</i>	110.500.000	500.000	110.500.000	500.000
Tổng cộng	814.594.924	1.228.267.641	814.594.924	1.228.267.641

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là cung cấp các dịch vụ tại Cảng và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thủ lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và lương, thưởng trả cho Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương và thưởng	-	155.131.200

8.2 Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Chi phí điện	1.071.352.106	410.181.495
	Chi phí phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	179.021.036	884.800.194
	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.692.000.000	-
	Mượn tiền	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bốc xếp Bình Mỹ	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	138.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
Khu phố 4, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Tiền điện phải trả	525.073.888	451.199.646
	Chi phí phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	179.021.036	776.567.995
	Góp vốn	72.692.000.000	68.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bốc xếp Bình Mỹ	Góp vốn	2.138.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Hải	Góp vốn	2.138.000.000	2.000.000.000

8.3 Số liệu so sánh

Các số liệu đầu năm 2011 là số liệu căn cứ theo Báo cáo kiểm toán số 307/BCKT/TC ngày 5 tháng 4 năm 2012 do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam phát hành.


LÂM THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng


NGUYỄN NGỌC THẢO
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013